

THANH TRA CHÍNH PHỦ
Số: 2767/2011/QĐ-TTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế xem xét, xử lý kỷ luật đối với công chức của cơ quan
Thanh tra Chính phủ

TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

*Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về
việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 65/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;*

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế xem xét, xử lý kỷ luật đối với
công chức của cơ quan Thanh tra Chính phủ".

Điều 2: Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Thủ trưởng các vụ, cục, đơn vị, công chức thuộc cơ quan Thanh tra Chính phủ chịu
trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

TỔNG THANH TRA

(Đã ký)

Huỳnh Phong Tranh

QUY CHẾ

**V/V XEM XÉT, XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, CỦA CƠ QUAN THANH
TRA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm Quyết định số 2767/2011/QĐ-TTCP ngày 12 tháng 10 năm 2011 của
Tổng Thanh tra Chính phủ)*

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

Quy chế này quy định việc xử lý kỷ luật công chức, vi phạm các quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý của Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Các trường hợp bị xử lý kỷ luật.

- Vi phạm quy định về nghĩa vụ của cán bộ, công chức tại Điều 8, 9 và Điều 10 Luật cán bộ, công chức.
- Vi phạm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức tại Điều 15, 16 và Điều 17 Luật cán bộ, công chức.
- Vi phạm quy định về những việc cán bộ, công chức không được làm tại Điều 18, 19 và Điều 20 Luật cán bộ, công chức.
- Vi phạm pháp luật bị Tòa án tuyên là có tội hoặc bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm pháp luật.
- Vi phạm các hành vi bị cấm tại Điều 13 Luật Thanh tra và những hành vi bị cấm đã quy định trong Luật Phòng chống tham nhũng.

Điều 3. Các trường hợp chưa xem xét, kỷ luật.

Chưa xem xét, kỷ luật đối với công chức, viên chức trong các trường hợp sau:

- Đang trong thời gian nghỉ phép, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được người thủ trưởng các vụ, cục, đơn vị hoặc Tổng Thanh tra cho phép.
- Đang trong thời gian điều trị tại bệnh viện.
- Đang bị tạm giam, tạm giữ, khởi tố, chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh đối với hành vi vi phạm pháp luật.
- Công chức nữ nghỉ thai sản.

Điều 4. Các trường hợp không bị xử lý kỷ luật.

1. Vi phạm pháp luật trong trường hợp mất năng lực hành vi dân sự theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền.
2. Phải thi hành quyết định của cấp trên theo quy định tại khoản 5, Điều 9 của Luật cán bộ, công chức.
3. Tình thế bất khả kháng trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và được cấp có thẩm quyền xác nhận.

Điều 5. Các nguyên tắc xem xét, xử lý kỷ luật công chức.

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng thời hiệu, thời hạn, thẩm quyền, quy trình.
2. Quyết định xử lý kỷ luật phải do Tổng Thanh tra hoặc thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp được Tổng Thanh tra phân cấp quản lý ký theo quy định.
3. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu công chức có nhiều hành vi vi phạm trong cùng một thời gian và cùng được xem xét, xử lý kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi và chịu hình thức kỷ luật cao hơn một mức so với hành vi vi phạm bị xử lý hình thức kỷ luật cao nhất.
4. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của công chức trong quá trình xem xét, xử lý kỷ luật; cấm áp dụng biện pháp phạt tiền thay cho hình thức kỷ luật.

Điều 6. Khiếu nại, khởi kiện.

1. Trường hợp công chức không đồng ý với quyết định xử lý kỷ luật thì có quyền khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2. Công chức giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc; trong trường hợp không đồng ý với quyết định, hoặc đã khiếu nại với người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, nhưng hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết, nhưng không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi đó.

Điều 7. Thực hiện giải quyết khiếu nại và quyết định của Tòa án.

1. Quyết định xử lý kỷ luật đối với công chức đã được Tổng Thanh tra hoặc thủ trưởng đơn vị sự nghiệp kết luận hoặc Tòa án phán quyết là bị oan sai, thì chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết luận hoặc từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực, thủ trưởng các vụ, cục, đơn vị nơi công chức công tác có trách nhiệm công bố công khai kết luận hoặc phán quyết trên đến toàn thể công chức, viên chức và có quyết định xóa bỏ quyết định áp dụng các hình thức kỷ luật oan sai trước đó.
2. Trường hợp công chức bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức, sau đó được kết luận là oan sai thì được Tổng Thanh tra hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp bố trí công tác phù hợp, không nhất thiết bố trí trở lại đúng vị trí công tác cũ.

Chương II.

XỬ LÝ KỶ LUẬT

Mục 1: THỜI HIỆU, THỜI HẠN XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 8. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật.

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng, là khoảng thời gian quy định phải tiến hành xem xét, xử lý kỷ luật công chức và được tính từ thời điểm công chức có hành vi vi phạm pháp luật cho đến khi xem xét, xử lý kỷ luật. Quá thời gian này, công chức có hành vi vi phạm không bị xem xét, xử lý kỷ luật.
2. Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 02 tháng, là khoảng thời gian quy định được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của công chức cho đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của Tổng Thanh tra hoặc thủ trưởng đơn vị sự nghiệp. Trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 04 tháng.
3. Thủ trưởng các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ sử dụng công chức có trách nhiệm phát hiện và tiến hành xử lý kỷ luật công chức vi phạm kỷ luật trong thời hiệu quy định.

Điều 9. Các trường hợp tạm đình chỉ công tác đối với công chức trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật.

1. Công chức nếu tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

2. Công chức bị tạm giữ, tạm giam hoặc cần phải đình chỉ công tác để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

3. Hết thời hạn tạm đình chỉ công tác nếu công chức không bị xử lý kỷ luật thì được tiếp tục bố trí làm việc ở vị trí cũ hoặc bố trí công tác khác phù hợp.

Mục 2: HỘI ĐỒNG KỶ LUẬT

Điều 10. Hội đồng kỷ luật.

1. Hội đồng kỷ luật công chức khối hành chính.

Tổng Thanh tra quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật, đề tư vấn cho Tổng Thanh tra trong việc áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp với vi phạm của công chức và tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

a. Hội đồng kỷ luật gồm 7 thành viên:

- Chủ tịch Hội đồng là một Phó Tổng Thanh tra;
- Phó Chủ tịch Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ;
- Một ủy viên Hội đồng là đại diện cho Ban Chấp hành Đảng bộ cơ quan Thanh tra Chính phủ;
- Một ủy viên Hội đồng là đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ quan Thanh tra Chính phủ;
- Một ủy viên Hội đồng là đại diện công chức của vụ, cục, đơn vị có người vi phạm kỷ luật (công đoàn bộ phận), do tập thể cán bộ, công chức ở vụ, cục, đơn vị đó cử ra;
- Một ủy viên Hội đồng là lãnh đạo vụ, cục, đơn vị trực tiếp quản lý hành chính và chuyên môn nghiệp vụ của người vi phạm;
- Một ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là phụ trách công tác xử lý kỷ luật công chức thuộc Vụ Tổ chức Cán bộ.

b. Người có quan hệ gia đình như cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của công chức vi phạm kỷ luật không được cử tham gia thành viên Hội đồng kỷ luật.

c. Hội đồng kỷ luật có thể mời đại diện của các tổ chức chính trị xã hội cơ quan nơi công chức vi phạm đang tham gia sinh hoạt đến dự họp, được tham gia phát biểu ý kiến và đề xuất mức độ xem xét, kỷ luật nhưng không được quyền biểu quyết hình thức kỷ luật.